

Bản án số: 27/2023/DS-PT

Ngày: 17-01-2023

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy chỉnh lý biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

- Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.
- Bà Lê Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 và ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 537/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy chỉnh lý biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 195a/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện W bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 527/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 262 Hòa Bình, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Thị Kim D, sinh năm 1963 (theo văn bản ủy quyền ngày 14/9/2022).

Địa chỉ: Số 22 Ô7, khu B, thị trấn Z, huyện W, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị B, sinh năm 1950.

2.2. Ông Bùi Thanh C, sinh năm 1974.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Bùi Thanh C, sinh năm 1974 (theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2018).

Cùng địa chỉ: Số 185 ấp Lộc Thạnh, xã V, huyện W, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị A.

(Bà D, bà B và ông C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 của bà Trần Thị A và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Thị Kim D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Thửa số 267, tờ bản đồ số 04, diện tích 460m² tọa lạc tại xã V, huyện W, tỉnh Long An do bà Trần Thị A đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 05/10/2011. Nguồn gốc đất là do bà Trần Thị Hà (chị ruột bà A) nhận chuyển nhượng lại từ ông Trần Hoài Hận gồm các thửa 225, 267, 329, 276 vào năm 2006; năm 2009 nhận chuyển nhượng thêm của ông Hận tại thửa 277. Ông Hận được nhà nước cấp giấy trọn các thửa đất, ông Hận chuyển nhượng lại cho bà Hà cũng trọn thửa. Sau đó bà Hà chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất nêu trên cho bà A, bà A sử dụng ổn định cho đến nay. Giáp ranh với thửa đất số 267 của bà A là thửa đất số 266 của bà Trần Thị B. Tháng 9/2017, bà A định làm hàng rào cho khu đất của bà thì bà B và ông Bùi Thanh C (con bà B) ngăn cản không cho làm. Họ cho rằng phần đất có diện tích khoảng 210m² thuộc một phần thửa đất số 267, tờ bản đồ số 04 là của bà B và ông C nên bà A chỉ cắm trụximãng tạm trên phần còn lại của thửa đất số 267, sau đó thì các bên phát sinh tranh chấp cho đến nay. Bà A nhiều lần yêu cầu ông C và bà B trả lại phần đất đã lấn chiếm nhưng họ không đồng ý. Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: bà Trần Thị B và ông Bùi Thanh C phải trả lại cho bà A phần đất đã lấn chiếm có diện tích 210m² thuộc một phần thửa 267, tờ bản đồ số 04, tọa lạc xã V, huyện W, tỉnh Long An.

Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 02/5/2018 của bà Trần Thị B, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Thanh C là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà B trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 266, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã V, huyện W, tỉnh Long An là của ông Trần Văn Chậm (chết năm 2011 – cha ruột bà B) tặng cho bà B và bà B canh tác từ năm 1980 cho đến nay.

Năm 2009, bà A có nhận chuyển nhượng của ông Trần Hoài Hận các thửa đất trong đó có thửa số 267, tờ bản đồ số 04, xã V. Thời điểm bà Hà, bà A mua đất thì giữa bà B, bà Hà và ông Hận có xác định ranh giới đất và cắm mốc rõ ràng, mốc giới đất được cắm bởi các trụximãng do bà Hà thuê người cắm. Phần đất tranh chấp bà B vẫn canh tác cho đến nay nên bà B và ông C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đồng thời, bà Trần Thị B yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 541885 đối với một phần thửa đất số 267, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc xã V, huyện W, tỉnh Long An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/2010 cho bà Trần Thị A.

- Công nhận một phần thửa đất số 267, tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã V, huyện

W, tỉnh Long An cho bà B và ông C đứng tên quyền sử dụng đất, diện tích đất đề nghị được công nhận khoảng 210m² theo mảnh trích đo phần đất tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 195a/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện W đã căn cứ vào điều 26, 35, 39, 72, 92, 147, 157, 165, 200, 201, 222, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 175, 176 Bộ Luật dân sự; các Điều 6, 12, 100 và 125 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (tranh chấp ranh giới đất) với bà Trần Thị B và ông Bùi Thanh C đối với phần diện tích đất 210m² thuộc một phần thửa 267, tờ bản đồ số 04 xã V, Đức Hòa, Long An.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị B đối với bà Trần Thị A

Bà Trần Thị B được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 210m², loại đất LUC thuộc một phần thửa 267, tờ bản đồ số 04 xã V nên bà Trần Thị B được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất có diện tích 210m², loại đất LUC thuộc một phần thửa 267, tờ bản đồ số 04 xã V, Đức Hòa, Long An, nhưng không hình thành thửa mới mà nhập vào thửa 266 cho phù hợp chính sách pháp luật về đất đai.

Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án: thu hồi, hủy bỏ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị A đối với một phần thửa đất số 267, tờ bản đồ số 04, xã V, Đức Hòa, Long An, để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị B có diện tích 210m², loại đất LUC thuộc một phần thửa số 267, tờ bản đồ số 04, xã V, Đức Hòa, Long An, cho phù hợp với kết quả giải quyết của bản án.

Vị trí, diện tích đất: theo mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W lập ngày 27/3/2022 và duyệt ngày 29/4/2022.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định giá; chi phí trích đo bản vẽ: Buộc bà Trần Thị A phải chịu, bà A đã tạm nộp số tiền là 14.200.000 đồng và đã chi phí xong.

4. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.115.000 đồng theo biên lai thu số 2614 ngày 11/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W sang án phí để thi hành. Hoàn lại cho bà Trần Thị A số tiền 815.000 đồng.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 10/10/2022, bà Trần Thị A kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Bà Dương Thị Kim D là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị A tranh luận: Phần đất tranh chấp trước đây ông Hận sử dụng, sau đó chuyển nhượng lại cho bà Hà, bà Hà bỏ trống. Từ trước đến nay các bên không có thỏa thuận cắm mốc, chỉ có thỏa thuận cắm mốc giới vào năm 2017 nhưng do bên bà B đòi tiền nên không thành. Phần đất tranh chấp có vị trí thấp hơn phần đất của bà B; những người làm chứng có quan hệ dòng họ của bà B nên không khách quan; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bên cạnh đó, nguyên đơn sẽ tự nguyện chịu ½ chi phí tố tụng.

- Ông Bùi Thanh C là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị Trên tranh luận: Khi thỏa thuận chuyển nhượng, bà Hà có đến thỏa thuận ba bên (bà Hà, ông Hận, bà B) cắm mốc vào năm 2006, năm 2009 vì bà Hà mua đất của ông Hận hai lần; hiện nay do xe đổ đất nên không còn mốc giới trước kia; đề nghị hủy một phần Giấy chứng nhận của bà A đối với thửa đất số 267, diện tích 210m² để bên ông đi đăng ký quyền sử dụng đất.

- Bà Trần Thị B tranh luận: Yêu cầu bà Hà xuất trình biên bản ký giáp ranh trong đó có chữ ký của bà, vì khi bà Hà nhận chuyển nhượng đất của ông Hận không có ký giáp ranh với bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Bà Trần Thị A cho rằng khi bà được chị là Trần Thị Hà tặng cho quyền sử dụng thửa đất 267 vào năm 2011, thửa đất của bà giáp với thửa 266 của bà Trần Thị B, giữa các thửa đất có bờ ranh rõ ràng (khoảng 40cm-50cm) trong đó có gò mồi. Đồng thời bà A cho rằng từ khi được tặng cho đất thì bà để đất trống, do bà sống ở Thành phố Hồ Chí Minh ít về thăm đất, đến năm 2017 thì bà phát hiện gò mồi bị phá, bờ ranh cũng không còn. Do đó, bà A cho rằng bà B có hành vi lấn đất nên bà đã đem trụ đèn để cắm rào. Khi cắm tại vị trí ranh đất thì bà B ngăn cản... để hạn chế xe sang lách chạy qua làm đất bà bị lún và do hàng rào đã chuẩn bị nên bà đã cắm tạm rào ở phần đất không có tranh chấp chứ không phải bà xây rào để xác định ranh (bỏ ½ diện tích đất của thửa 267).

Xét về nguồn gốc đất:

- Thửa đất số 267 có nguồn gốc đất là của ông Trần Hoài Hận được thân tộc chia và được Nhà nước cấp giấy vào năm 1998. Lần lượt các năm 2006, 2009

ông Hận chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất nêu trên cho bà Trần Thị Hà (chị ruột bà A) trong đó có thửa số 267. Đến năm 2011, bà Hà chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất trên cho bà Trần Thị A.

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 266 là do cha ruột của bà B (ông Trần Văn Chạm chết) để lại, bà B được Nhà nước cấp giấy vào năm 1998.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn Trên thể hiện diện tích được cấp trên giấy chứng nhận là 487m², hiện tại nhìn vào bản vẽ có trong hồ sơ thì thửa 266 của bị đơn Trên có số đo các cạnh là (Đ, T, N, B lần lượt là 21,4 – 18,7 – 16,6+11,3 – 23,2) với các cạnh nêu trên thì hoàn toàn phù hợp với diện tích 487m² theo giấy được cấp. Căn cứ vào ranh bản đồ thể hiện, phần đất tranh chấp có diện tích là 210m². Nếu phần tranh chấp này thuộc của bị đơn thì sẽ lớn rất nhiều so với cấp giấy cho bị đơn. Căn cứ vào biên bản thẩm định tại chỗ thể hiện phần đất tranh chấp là đất trống và chỉ có cỏ dại, mặt bằng giữa phần đất tranh chấp với đất bị đơn có sự khác biệt, trong khi xem xét so với đất nguyên đơn thì tương đối ngang bằng nhau, bản thân ông C (con bị đơn) cũng thừa nhận phần đất tranh chấp thấp hơn đất gia đình ông.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị A kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 267, tờ bản đồ số 4, loại đất LUC, tọa lạc tại xã V, huyện W, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 745224 ngày 05/01/1998 do Ủy ban nhân dân huyện W cấp cho ông Trần Hoài Hận đứng tên đối với thửa đất số 267, tờ bản đồ số 4, loại đất lúa, diện tích 460m², tọa lạc tại ấp Lộc Thạnh, xã V, huyện W, tỉnh Long An. Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 06/6/2006 thể hiện ông Hận thực hiện chuyển nhượng cho bà Trần Thị Hà thửa đất số 267 nêu trên và được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện W chỉnh lý sang tên bà Hà vào ngày 06/6/2006. Trong hồ sơ chuyển nhượng do Ủy ban nhân dân huyện W cung cấp cho Tòa án có Trích lục bản đồ địa chính ngày 06/6/2006 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện W thể hiện thửa đất 267 có tứ cận: Đông giáp thửa số 266, tây giáp thửa số 225, nam giáp thửa số 277, bắc giáp đường.

Đến nay, Ủy ban nhân dân huyện W cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 541885 ngày 08/12/2010 cho bà Trần Thị Hà đứng tên đối với thửa đất số 267, tờ bản đồ số 4,

diện tích 460m² nêu trên. Vào ngày 05/10/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện W đã chỉnh lý sang tên cho bà Trần Thị A thửa đất 267 nêu trên.

[2.2] Theo Mảnh trích đo địa chính số 153-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W đo vẽ ngày 27/3/2022 và duyệt ngày 28/4/2022 (gọi tắt là Mảnh trích đo địa chính số 153-2022) thể hiện khu A diện tích 210m² và phần diện tích còn lại 226m² đều thuộc thửa 267 nêu trên.

[2.3] Tại biên bản làm việc ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện W thể hiện “...*Tóm lại: Ý kiến của bà B và anh Lộc: Cả khu vực đất này là của ông bà phân chia cho các con cháu sử dụng, trước đây chỉ chia theo thửa đất (trộn thửa) phần đất của bà B thì bà B đang đứng tên giấy CNQSDĐ, phần đất của Trần Hoài Hận thì chuyển nhượng trộn thửa lại cho Trần Thị Hà...*” và tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023, ông Lê Văn To nguyên là công chức địa chính tham gia hòa giải ngày 28/12/2017 khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hận là đối tượng sử dụng đất, hiện trạng đất của ông Hận thấp hơn đất của bà Trần Thị B; tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2023 các bên đương sự cũng thừa nhận hiện trạng phần đất tranh chấp thấp hơn phần đất thuộc quyền sử dụng của bà B. Đồng thời, bà B và ông C không chứng minh được là người sử dụng đất trước khi Nhà nước xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hận đối với thửa đất 267 nêu trên.

Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Hoài Hận như trên là hoàn toàn đúng đối tượng sử dụng đất đối với thửa đất số 267, tờ bản đồ số 4, diện tích 460m² (đo đạc thực tế là 210m² + 226m² = 436m²). Kể đến, ông Hận đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho bà Hà, bà Hà chuyển quyền lại cho bà A là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Tại phiên tòa, phía bị đơn cho rằng thửa đất số 267 nêu trên có nguồn gốc ông Trần Văn Chậm (cha ruột của bà Trần Thị B) cho bà B một phần thửa 267 tại vị trí khu A Mảnh trích đo địa chính số 153-2022 làm ruộng từ năm 1980 đến nay nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh trong khi ông Hận đứng tên Giấy chứng nhận toàn bộ thửa đất số 267 vào năm 1998 như trên mà phía bà B không có khiếu nại hay khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận của ông Hận. Bên cạnh đó, phía bà B cho rằng khi bà Hà nhận chuyển nhượng phần đất nêu trên, các bên có thống nhất cắm ranh giới giữa hai bên nhưng không chứng minh được ranh giới đất giữa hai bên tại vị trí nào.

[2.5] Tại phiên tòa, phía bị đơn xuất trình “đơn xin xác nhận” ngày 10/01/2023 của ông Trần Văn Huỳnh, ông Trần Quang Minh, ông Trần Văn Gòn, ông Trần Văn Trường với nội dung làm chứng rằng bà B là người sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1980 đến nay. Tuy nhiên, Tòa án tiến hành xác minh trực tiếp ông Huỳnh, ông Minh, ông Gòn, ông Trường thì lời khai của ông Huỳnh, ông Minh, ông Gòn, ông Trường không thống nhất với nội dung trong “đơn xin xác nhận” ngày 10/01/2023; đều không xác định rõ vị trí phần đất mà bà B được cho; đồng thời có mối quan hệ họ hàng gần với bà B. Do đó, nội dung làm chứng của ông Huỳnh, ông Minh, ông Gòn, ông Trường không xác thực, phù hợp với các tình tiết khác của vụ án nên không có cơ sở xem xét.

[2.6] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng “*hàng rào trụ bằng bê tông do gia đình bà Hà, Hải cắm là mốc giới giữa các thửa 267 với thửa 266*” và vận dụng Điều 176 của Bộ luật dân sự để công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của phía bị đơn là chưa đủ căn cứ. Bởi lẽ, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2019 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2019 đều không thể hiện hàng rào làm ranh giới. Đến ngày 15/9/2022, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ lại phần đất tranh chấp mới thể hiện “*...gia đình bà A có cắm các trụ bê tông thành 01 đường thẳng kéo dài đến đường đất >3m...*”. Do đó, việc cắm các trụ bê tông không được xem là mốc giới giữa hai phần đất do việc cắm trụ bê tông trong thời gian tranh chấp giữa các bên; các bên không thống nhất đây là mốc giới.

Từ cơ sở trên thấy rằng, kháng cáo của bà Trần Thị A có cơ sở chấp nhận để sửa bản án sơ thẩm do có chứng cứ mới theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên các bên không phải chịu theo Điều 148 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị A.

Cải sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 195a/2022/DS-ST ngày 26-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Long An.

Căn cứ vào điều 26, 35, 39, 72, 92, 147, 148, 157, 165, 200, 201, 222, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 175, 176 Bộ Luật dân sự; các Điều 6, 12, 100, 125, 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A.

Buộc bà Trần Thị B và ông Bùi Thanh C liên đới giao trả cho bà Trần Thị A phần đất tại vị trí khu A của Mảnh trích đo địa chính số 153-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện W đo vẽ ngày 27/3/2022 và duyệt ngày 28/4/2022 có diện tích 210m² thuộc một phần thửa 267, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã V, huyện W, tỉnh Long An.

[2] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị B đối với bà Trần Thị A về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận một phần thửa đất số 267, tờ bản đồ số 4 nêu trên.

[3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Tại cấp sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị A chịu số tiền 8.000.000 đồng (đã nộp xong).

Buộc bà Trần Thị B và ông Bùi Thanh C liên đới chịu 6.200.000 đồng để hoàn trả cho bà Trần Thị A đã tạm ứng trước.

[3.2] Tại cấp phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị B và ông Bùi Thanh C liên đới chịu 1.800.000 đồng (đã nộp xong).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Buộc bà Trần Thị B và ông Bùi Thanh C liên đới chịu 300.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

[4.2] Hoàn trả cho bà Trần Thị A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.115.000 đồng theo biên lai thu số 2614 ngày 11/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Trần Thị A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000198 ngày 10/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W.

[6] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh